

NGHỊ QUYẾT
Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 380/TTr-CP và Đề án số 381/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 425/BC-UBPLTP15 ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng

Trên cơ sở Đề án số 381/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng (mới) năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sắp xếp để thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng như sau:

1. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Dương Quan, phường Thủy Đường và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Hoa Động, An Lữ, Thủy Hà thành phường mới có tên gọi là **phường Thủy Nguyên**.

2. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thiên Hương, phường Hoàng Lâm, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Lê Hồng Phong và phần còn lại của phường Hoa Động sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 1 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Thiên Hương**.

3. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hòa Bình và phần còn lại của phường An Lữ, phường Thủy Hà sau khi sắp xếp theo quy

định tại khoản 1 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Hòa Bình**.

4. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Nam Triệu Giang, Lập Lễ và Tam Hưng thành phường mới có tên gọi là **phường Nam Triệu**.

5. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Minh Đức và xã Bạch Đằng (thành phố Thủy Nguyên), phường Phạm Ngũ Lão thành phường mới có tên gọi là **phường Bạch Đằng**.

6. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Trần Hưng Đạo (thành phố Thủy Nguyên), phường Lưu Kiếm, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Liên Xuân và một phần diện tích tự nhiên của xã Quang Trung (thành phố Thủy Nguyên) thành phường mới có tên gọi là **phường Lưu Kiếm**.

7. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Quảng Thanh, phần còn lại của phường Lê Hồng Phong sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 2 Điều này và phần còn lại của xã Quang Trung (thành phố Thủy Nguyên) sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 6 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Lê Ích Mộc**.

8. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Phan Bội Châu, Thượng Lý, Sở Dầu, Hùng Vương và một phần diện tích tự nhiên của phường Gia Viên thành phường mới có tên gọi là **phường Hồng Bàng**.

9. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Quán Toan, phường An Hồng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Hưng, Đại Bản, Lê Thiện, Tân Tiến thành phường mới có tên gọi là **phường Hồng An**.

10. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Máy Chai, Vạn Mỹ, Cầu Tre, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Gia Viên và phường Đông Khê thành phường mới có tên gọi là **phường Ngô Quyền**.

11. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Đằng Giang, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Cầu Đất, phường Lạch Tray, phần còn lại của phường Gia Viên sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều này và phần còn lại của phường Đông Khê sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 10 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Gia Viên**.

12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Hàng Kênh, Dư Hàng Kênh, Kênh Dương, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường An Biên, Trần Nguyên Hãn, Vĩnh Niệm và phần còn lại của phường Cầu Đất, phường Lạch Tray sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 11

Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Lê Chân**.

13. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Dương và phần còn lại của các phường An Biên, Trần Nguyên Hãn, Vĩnh Niệm sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 12 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường An Biên**.

14. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Cát Bi, Đằng Lâm, Thành Tô, Đằng Hải, Trảng Cát, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nam Hải và một phần diện tích tự nhiên của phường Đông Hải 2 thành phường mới có tên gọi là **phường Hải An**.

15. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Đông Hải 1 và phần còn lại của phường Đông Hải 2, phường Nam Hải sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 14 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Đông Hải**.

16. Sắp xếp một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Nam Sơn (quận Kiến An), Đồng Hòa, Bắc Sơn, Trần Thành Ngọ và Văn Đầu thành phường mới có tên gọi là **phường Kiến An**.

17. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Bắc Hà, phường Ngọc Sơn, một phần diện tích tự nhiên của thị trấn Trường Sơn và phần còn lại của các phường Nam Sơn (quận Kiến An), Đồng Hòa, Bắc Sơn, Trần Thành Ngọ, Văn Đầu sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 16 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Phù Liễn**.

18. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Minh Đức (quận Đồ Sơn), Bàng La, Hợp Đức, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Vạn Hương và phường Ngọc Xuyên thành phường mới có tên gọi là **phường Nam Đồ Sơn**.

19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hải Sơn, một phần diện tích tự nhiên của phường Tân Thành và phần còn lại của phường Vạn Hương, phường Ngọc Xuyên sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 18 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Đồ Sơn**.

20. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Đa Phúc, phường Hưng Đạo, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Anh Dũng và phường Hải Thành thành phường mới có tên gọi là **phường Hưng Đạo**.

21. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hòa Nghĩa, phần còn lại của phường Tân Thành sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 19 Điều này và phần còn lại của phường Anh Dũng, phường Hải Thành sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 20 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Dương Kinh**.

22. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nam Sơn (quận An Dương), một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường An Hải, Lê Lợi, Đồng Thái, Tân Tiến và phần còn lại của phường An Hưng sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 9 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường An Dương**.

23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Đông, phường Hồng Thái, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Lê Lợi và phần còn lại của phường An Hải, phường Đồng Thái sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 22 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường An Hải**.

24. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Hòa, phường Hồng Phong, phần còn lại của phường Đại Bản, phường Lê Thiện sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 9 Điều này, phần còn lại của phường Tân Tiến sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 9 và khoản 22 Điều này, phần còn lại của phường Lê Lợi sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 22 và khoản 23 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường An Phong**.

25. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Trần Hưng Đạo (thành phố Hải Dương), Nhị Châu, Ngọc Châu, Quang Trung thành phường mới có tên gọi là **phường Hải Dương**.

26. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Tân Bình, Thanh Bình, Lê Thanh Nghị và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Trần Phú thành phường mới có tên gọi là **phường Lê Thanh Nghị**.

27. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Việt Hòa, xã Cao An, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Tứ Minh và thị trấn Lai Cách thành phường mới có tên gọi là **phường Việt Hòa**.

28. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Cẩm Thượng, Bình Hàn, Nguyễn Trãi và xã An Thượng thành phường mới có tên gọi là **phường Thành Đông**.

29. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Nam Đồng và xã Tiền Tiến thành phường mới có tên gọi là **phường Nam Đồng**.

30. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hải Tân, phường Tân Hưng, xã Ngọc Sơn và phần còn lại của phường Trần Phú sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 26 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Tân Hưng**.

31. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thạch Khôi, xã Gia Xuyên, xã Liên Hồng và một phần diện tích tự nhiên của xã Thống Nhất thành phường mới có tên gọi là **phường Thạch Khôi**.

32. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cẩm Đoài,

phần còn lại của phường Tứ Minh và thị trấn Lai Cách sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 27 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Tứ Minh**.

33. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Ái Quốc, xã Quyết Thắng và một phần diện tích tự nhiên của xã Hồng Lạc thành phường mới có tên gọi là **phường Ái Quốc**.

34. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Sao Đỏ, Văn An, Chí Minh, Thái Học, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Cộng Hòa và một phần diện tích tự nhiên của phường Văn Đức thành phường mới có tên gọi là **phường Chu Văn An**.

35. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phả Lại, phường Cổ Thành và xã Nhân Huệ thành phường mới có tên gọi là **phường Chí Linh**.

36. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lê Lợi và xã Hưng Đạo (thành phố Chí Linh) và phần còn lại của phường Cộng Hòa sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 34 Điều này thành phường mới có tên gọi là **phường Trần Hưng Đạo**.

37. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Bến Tắm, xã Bắc An và xã Hoàng Hoa Thám thành phường mới có tên gọi là **phường Nguyễn Trãi**.

38. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hoàng Tân, phường Hoàng Tiến và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Văn Đức thành phường mới có tên gọi là **phường Trần Nhân Tông**.

39. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Tân Dân (thành phố Chí Linh), An Lạc và Đồng Lạc thành phường mới có tên gọi là **phường Lê Đại Hành**.

40. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường An Lưu, Hiệp An và Long Xuyên thành phường mới có tên gọi là **phường Kinh Môn**.

41. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thái Thịnh, phường Hiến Thành và xã Minh Hòa thành phường mới có tên gọi là **phường Nguyễn Đại Nãi**.

42. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường An Phụ, xã Hiệp Hòa và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Quận thành phường mới có tên gọi là **phường Trần Liễu**.

43. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Thất Hùng, xã Bạch Đằng (thị xã Kinh Môn), xã Lê Ninh và phần còn lại của phường Văn Đức sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 34, khoản 38 Điều này thành

phường mới có tên gọi là **phường Bắc An Phú**.

44. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Phạm Thái, An Sinh và Hiệp Sơn thành phường mới có tên gọi là **phường Phạm Sư Mạnh**.

45. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Tân Dân (thị xã Kinh Môn), Minh Tân, Duy Tân và Phú Thù thành phường mới có tên gọi là **phường Nhị Chiểu**.

46. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã An Thái, An Thọ và Chiến Thắng thành xã mới có tên gọi là **xã An Hưng**.

47. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Viên, xã Mỹ Đức và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thái Sơn thành xã mới có tên gọi là **xã An Khánh**.

48. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quốc Tuấn và xã Quang Trung (huyện An Lão), xã Quang Hưng thành xã mới có tên gọi là **xã An Quang**.

49. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Bát Trang, Trường Thọ và Trường Thành thành xã mới có tên gọi là **xã An Trường**.

50. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn An Lão, các xã An Thắng, Tân Dân, An Tiến, phần còn lại của thị trấn Trường Sơn sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 17 Điều này và phần còn lại của xã Thái Sơn sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 47 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã An Lão**.

51. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Núi Đồi, các xã Thanh Sơn (huyện Kiến Thụy), Thuận Thiên, Hữu Bằng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kiến Hưng thành xã mới có tên gọi là **xã Kiến Thụy**.

52. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Minh Tân (huyện Kiến Thụy), Đại Đồng và Đông Phương thành xã mới có tên gọi là **xã Kiến Minh**.

53. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Phong và xã Đại Hợp (huyện Kiến Thụy), xã Tú Sơn và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đoàn Xá thành xã mới có tên gọi là **xã Kiến Hải**.

54. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Trào (huyện Kiến Thụy), phần còn lại của xã Kiến Hưng sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 51 Điều này và phần còn lại của xã Đoàn Xá sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 53 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Kiến Hưng**.

55. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Ngũ Phúc (huyện Kiến Thụy), Kiến Quốc và Du Lễ thành xã mới có tên gọi là **xã Nghi Dương**.

56. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đại Thắng, Tiên Cường và Tự Cường thành xã mới có tên gọi là **xã Quyết Thắng**.

57. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Tiên Lãng và các xã Quyết Tiến, Tiên Thanh, Khởi Nghĩa thành xã mới có tên gọi là **xã Tiên Lãng**.

58. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Cấp Tiến, Kiến Thiết, Đoàn Lập và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Minh thành xã mới có tên gọi là **xã Tân Minh**.

59. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tiên Thắng, xã Tiên Minh và phần còn lại của xã Tân Minh sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 58 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Tiên Minh**.

60. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nam Hưng (huyện Tiên Lãng), Bắc Hưng, Đông Hưng và Tây Hưng thành xã mới có tên gọi là **xã Chấn Hưng**.

61. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hùng Thắng (huyện Tiên Lãng) và xã Vinh Quang thành xã mới có tên gọi là **xã Hùng Thắng**.

62. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Vĩnh Bảo và các xã Vĩnh Hưng (huyện Vĩnh Bảo), Tân Hưng, Tân Liên thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Bảo**.

63. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Trần Dương, Hòa Bình và Lý Học thành xã mới có tên gọi là **xã Nguyễn Bình Khiêm**.

64. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tam Cường, Cao Minh và Liên Am thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Am**.

65. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tiền Phong và xã Vĩnh Hải thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Hải**.

66. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Hòa (huyện Vĩnh Bảo) và xã Hùng Tiến thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Hòa**.

67. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thắng Thủy, Trung Lập và Việt Tiến thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Thịnh**.

68. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Vĩnh An, Giang Biên và Dũng Tiến thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Thuận**.

69. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Ninh Sơn và phần còn lại của xã Liên Xuân sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 6 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Việt Khê**.

70. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quang Thành, Lạc Long, Thăng Long, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tuấn Việt, xã Vũ Dũng và một phần diện tích tự nhiên của xã Cộng Hòa thành xã mới có tên gọi là **xã Nam An Phú**.

71. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Nam Sách, xã Hồng Phong (huyện Nam Sách) và xã Đồng Lạc thành xã mới có tên gọi là **xã Nam Sách**.

72. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Minh Tân (huyện Nam Sách), An Sơn và Thái Tân thành xã mới có tên gọi là **xã Thái Tân**.

73. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quốc Tuấn (huyện Nam Sách), Hiệp Cát và Trần Phú thành xã mới có tên gọi là **xã Trần Phú**.

74. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nam Hưng (huyện Nam Sách), Nam Tân và Hợp Tiến thành xã mới có tên gọi là **xã Hợp Tiến**.

75. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã An Bình, xã An Phú và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cộng Hòa sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 70 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã An Phú**.

76. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Thanh Hà, xã Thanh Sơn (huyện Thanh Hà) và xã Thanh Tân thành xã mới có tên gọi là **xã Thanh Hà**.

77. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân An, xã An Phượng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Hải thành xã mới có tên gọi là **xã Hà Tây**.

78. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Việt (huyện Thanh Hà), một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cẩm Việt và phần còn lại của xã Hồng Lạc sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 33 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Hà Bắc**.

79. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thanh Xuân, Liên Mạc, Thanh Lang, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh An và một phần diện tích tự nhiên của xã Hòa Bình thành xã mới có tên gọi là **xã Hà Nam**.

80. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thanh Hồng, Vĩnh Cường và Thanh Quang thành xã mới có tên gọi là **xã Hà Đông**.

81. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Trường, xã Cẩm Đông và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phúc Điền thành xã mới có tên gọi là **xã Mao Điền**.

82. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Lương Điền, Ngọc Liên, Cẩm Hưng và phần còn lại của xã Phúc Điền sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 81 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Cẩm Giàng**.

83. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Cẩm Giang, xã Định Sơn và xã Cẩm Hoàng thành xã mới có tên gọi là **xã Cẩm Giang**.

84. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đức Chính, Cẩm Vũ và Cẩm Văn thành xã mới có tên gọi là **xã Tuệ Tĩnh**.

85. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Hưng và xã Hùng Thắng (huyện Bình Giang), thị trấn Kê Sắt và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Hồng thành xã mới có tên gọi là **xã Kê Sắt**.

86. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tân Việt (huyện Bình Giang), Long Xuyên, Hồng Khê, Cổ Bì và phần còn lại của xã Vĩnh Hồng sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 85 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Bình Giang**.

87. Sắp xếp một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thúc Kháng, Thái Minh, Tân Hồng, Thái Dương và một phần diện tích tự nhiên của xã Thái Hòa thành xã mới có tên gọi là **xã Đường An**.

88. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bình Xuyên (huyện Bình Giang), một phần diện tích tự nhiên của xã Thanh Tùng, xã Đoàn Tùng và phần còn lại của các xã Thúc Kháng, Thái Minh, Tân Hồng, Thái Dương, Thái Hòa sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 87 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Thượng Hồng**.

89. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Gia Tiến, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Gia Lộc, xã Gia Phúc, xã Yết Kiêu và một phần diện tích tự nhiên của xã Lê Lợi (huyện Gia Lộc) thành xã mới có tên gọi là **xã Gia Lộc**.

90. Sắp xếp phần còn lại của xã Thống Nhất sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 31 Điều này, phần còn lại của xã Lê Lợi (huyện Gia Lộc) và xã Yết Kiêu sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 89 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Yết Kiêu**.

91. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Toàn Thắng, Hoàng Diệu, Hồng Hưng, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thống Kênh, xã Đoàn Thượng, một phần diện tích tự nhiên của xã Quang Đức và phần còn lại của thị trấn Gia Lộc, xã Gia Phúc sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 89 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Gia Phúc**.

92. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phạm Trán, xã Nhật Quang, phần còn lại của các xã Thống Kênh, Đoàn Thượng, Quang Đức

sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 91 Điều này và một phần diện tích tự nhiên của thị trấn Thanh Miện thành xã mới có tên gọi là **xã Trường Tân**.

93. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Tứ Kỳ và các xã Minh Đức, Quang Khải, Quang Phục thành xã mới có tên gọi là **xã Tứ Kỳ**.

94. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đại Hợp (huyện Tứ Kỳ), Tân Kỳ, Dân An, Kỳ Sơn và một phần diện tích tự nhiên của xã Hưng Đạo (huyện Tứ Kỳ) thành xã mới có tên gọi là **xã Tân Kỳ**.

95. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bình Lãng, xã Đại Sơn, phần còn lại của xã Thanh Hải sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 77 Điều này và phần còn lại của xã Hưng Đạo (huyện Tứ Kỳ) sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 94 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Đại Sơn**.

96. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã An Thanh, Văn Tổ và Chí Minh thành xã mới có tên gọi là **xã Chí Minh**.

97. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quang Trung (huyện Tứ Kỳ), xã Lạc Phượng và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tiên Động thành xã mới có tên gọi là **xã Lạc Phượng**.

98. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hà Kỳ, Nguyên Giáp, Hà Thanh và phần còn lại của xã Tiên Động sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 97 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Nguyên Giáp**.

99. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Ninh Giang và các xã Vĩnh Hòa (huyện Ninh Giang), Hồng Dụ, Hiệp Lực thành xã mới có tên gọi là **xã Ninh Giang**.

100. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Ứng Hòa, Tân Hương và Nghĩa An thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Lại**.

101. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bình Xuyên và xã Hồng Phong (huyện Ninh Giang), xã Kiến Phúc thành xã mới có tên gọi là **xã Khúc Thừa Dụ**.

102. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tân Phong (huyện Ninh Giang), An Đức và Đức Phúc thành xã mới có tên gọi là **xã Tân An**.

103. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tân Quang, Văn Hội và Hưng Long thành xã mới có tên gọi là **xã Hồng Châu**.

104. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Cao Thắng, Ngũ Hùng, Tứ Cường và phần còn lại của thị trấn Thanh Miện sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 92 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Thanh Miện**.

105. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hồng

Quang, Lam Sơn và Lê Hồng thành xã mới có tên gọi là **xã Bắc Thanh Miện**.

106. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tân Trào (huyện Thanh Miện), Ngô Quyền và Đoàn Kết thành xã mới có tên gọi là **xã Hải Hưng**.

107. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phạm Kha, xã Nhân Quyền, phần còn lại của xã Thanh Tùng và xã Đoàn Tùng sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 88 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Nguyễn Lương Bằng**.

108. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hồng Phong (huyện Thanh Miện), Thanh Giang, Chi Lăng Bắc và Chi Lăng Nam thành xã mới có tên gọi là **xã Nam Thanh Miện**.

109. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Phú Thái, các xã Kim Xuyên, Kim Anh, Kim Liên và phần còn lại của xã Thượng Quận sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 42 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Phú Thái**.

110. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lai Khê, phần còn lại của xã Vũ Dũng, xã Tuấn Việt sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 70 Điều này, phần còn lại của xã Cộng Hoà sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 70, khoản 75 Điều này, phần còn lại của xã Thanh An sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 79 Điều này và phần còn lại của xã Cẩm Việt sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 78 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Lai Khê**.

111. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Ngũ Phúc (huyện Kim Thành), Kim Tân và Kim Đính thành xã mới có tên gọi là **xã An Thành**.

112. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đồng Cẩm, Tam Kỳ, Đại Đức và phần còn lại của xã Hòa Bình sau khi sắp xếp theo quy định tại khoản 79 Điều này thành xã mới có tên gọi là **xã Kim Thành**.

113. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Cát Hải, thị trấn Cát Bà và các xã Đồng Bài, Hoàng Châu, Nghĩa Lộ, Văn Phong, Gia Luận, Hiền Hào, Phù Long, Trân Châu, Việt Hải, Xuân Đám thành đặc khu có tên gọi là **đặc khu Cát Hải**.

114. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Bạch Long Vĩ thành đặc khu có tên gọi là **đặc khu Bạch Long Vĩ**.

115. Sau khi sắp xếp, thành phố Hải Phòng có 114 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 67 xã, 45 phường và 02 đặc khu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

2. Các cơ quan theo thẩm quyền khẩn trương thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết, bảo đảm để chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp tiếp tục hoạt động cho đến khi chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp chính thức hoạt động.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chính quyền địa phương các đơn vị hành chính liên quan đến việc thực hiện sắp xếp và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, ổn định bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

2. Giao Chính phủ, căn cứ vào Nghị quyết này và Đề án số 381/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, tổ chức việc xác định chính xác diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính cấp xã và công bố công khai trước ngày 30 tháng 9 năm 2025; đồng thời, khẩn trương triển khai công tác đo đạc, xác định phạm vi ranh giới của các đơn vị hành chính trên thực địa để lập hồ sơ về địa giới đơn vị hành chính theo quy định.

3. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. 

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cục Thống kê, Bộ Tài chính;
- Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, Ủy ban MTTQVN thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HC, PLTP.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mẫn